

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Định, ngày tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc đề nghị phê duyệt quyết toán thu, chi quản lý dự án năm 2019
của Ban Quản lý dự án Giao thông tỉnh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 06/2019/TT-BTC ngày 28/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17/7/2017;

Theo Công văn số 2083/BTC-ĐT ngày 27/02/2020 của Bộ Tài chính về việc thực hiện Thông tư số 72/2017/TT-BTC và Thông tư số 06/2019/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 507/QĐ-UBND ngày 19/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự toán thu, chi quản lý dự án năm 2019 của Ban Quản lý dự án Giao thông tỉnh và Quyết định số 4845/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi quản lý dự án năm 2019 của Ban Quản lý dự án Giao thông tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 3744/QĐ-UBND ngày 15/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt quyết toán thu, chi quản lý dự án năm 2018 của Ban Quản lý dự án Giao thông tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 255/TTr-STC ngày 11/5/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán thu, chi quản lý dự án năm 2019 của Ban Quản lý dự án Giao thông tỉnh, với nội dung chính như sau:

1. Quyết toán nguồn thu: 20.689.936.545 đồng. Trong đó:
 - Nguồn thu được sử dụng trong năm (a): 15.529.581.545 đồng.
 - Nguồn thu chuyển sang năm 2020 tiếp tục sử dụng: 5.160.355.000 đồng.
2. Quyết toán các khoản chi:
 - Chi thường xuyên (b): 4.398.751.228 đồng.
 - Số chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng (c): 0 đồng.
3. Quyết toán trích lập các quỹ trong năm (=a-b-c) là: 11.130.830.317 đồng.

4. Phân bổ giá trị quyết toán chi phí quản lý dự án năm 2019 cho các dự án với số tiền là: 15.529.581.545 đồng.

Nguồn kinh phí thực hiện: Từ nguồn Quản lý dự án các công trình do Ban Quản lý dự án Giao thông tỉnh làm chủ đầu tư và nhận thực hiện ủy thác quản lý dự án cho các chủ đầu tư khác.

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Giám đốc Ban QLDA Giao thông tỉnh phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Ban QLDA Giao thông tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Phan Cao Thắng;
- PVP VX;
- Lưu: VT, K19.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Cao Thắng

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Quyết toán nguồn thu

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Theo Quyết định số 4845/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh	Giá trị quyết toán
I	Tổng cộng (1+2+3+4+5-6)	30.317.748.000	20.689.936.545
1	Nguồn kinh phí năm trước chuyển sang	2.324.677.000	2.324.677.000
2	Nguồn trích từ các dự án được giao quản lý	17.138.823.000	12.849.550.000
a	Nguồn trích quản lý dự án	17.138.823.000	12.849.550.000
-	Tuyến đường QL19 (đoạn từ cảng Quy Nhơn đến giao QL1)	2.000.000.000	0
-	Đường trục khu kinh tế nối dài (giai đoạn 1)	2.502.833.000	2.502.833.000
	Hạng mục: Nền mặt đường, cầu, thoát nước và cây xanh	2.299.183.000	2.299.183.000
	Hạng mục: Hệ thống điện chiếu sáng	203.650.000	203.650.000
-	Đường phía Tây tỉnh Bình Định (ĐT.638), đoạn Km130 - Km137+580	930.001.000	930.001.000
	Hạng mục: Hệ thống điện chiếu sáng	162.488.000	162.488.000
	Hạng mục: Cầu Canh Vinh	91.201.000	91.201.000
	Hạng mục: Xây dựng nền mặt đường và CTTN nhỏ đoạn km130 - km134	179.993.000	179.993.000

	<i>Hạng mục: Xây dựng nền mặt đường và CTTN nhỏ đoạn km134 - km137+580</i>	399.692.000	399.692.000
	<i>Hạng mục: Đèn tín hiệu giao thông tại nút giao với Quốc lộ 1 và Hệ thống điện chiếu sáng tại nút giao với Quốc lộ 19C</i>	16.040.000	16.040.000
	<i>Hạng mục: Bổ sung thiết kế nút giao thông đầu tuyến với Quốc lộ 19 từ nút giao thông ngã ba thành nút giao thông ngã tư, điều chỉnh thiết kế mở rộng nút giao cuối tuyến (giao với Quốc lộ 1) tại km137+580, điều chỉnh tim tuyến km135+00 - km136+39,03</i>	80.587.000	80.587.000
-	<i>Đường vào lò võ và di tích trên địa bàn tỉnh, tỉnh Bình Định</i>	827.392.000	530.203.000
	<i>Hạng mục: Nâng cấp, mở rộng đường vào cầu lạc bộ võ cổ truyền chùa Long Phước, nhà thờ Lòng Sông</i>	457.747.000	457.747.000
	<i>Hạng mục: Nâng cấp, mở rộng đường vào di tích Tháp Bánh Ít</i>	57.719.000	42.319.000
	<i>Hạng mục: Nâng cấp đoạn tuyến từ khu di tích tâm linh Linh Phong đến Tân Thanh</i>	311.926.000	30.137.000
-	<i>Nâng cấp, mở rộng đường qua các di tích văn hóa lịch sử Quốc gia đặc biệt và các di tích văn hóa lịch sử Quốc gia trên địa bàn huyện Tây Sơn, Bình Định (giai đoạn 1)</i>	173.613.000	0
-	<i>Nâng cấp Tuyến đường ĐT.638 (Đường phía Tây tỉnh) đoạn Km 137+580 - Km 143+787</i>	1.900.997.000	1.900.997.000
	<i>Hạng mục: Nền mặt đường và CTTN nhỏ, cây xanh và hệ thống điện chiếu sáng</i>	1.500.000.000	1.500.000.000
	<i>Hạng mục: Cầu Long Vân 2 và cầu Lò Gạch</i>	304.309.000	304.309.000
	<i>Hạng mục: Bổ sung đường công vụ phục vụ thi công</i>	96.688.000	96.688.000

-	Xây dựng Hệ thống điện chiếu sáng để đảm bảo ATGT trên tuyến Quốc lộ 1, qua địa bàn tỉnh Bình Định	446.742.000	446.742.000
-	Đường trục Khu kinh tế nối dài, đoạn Km4+00 - Km18+500	2.535.151.000	2.122.049.000
	Hạng mục: Nền, mặt đường, cầu, thoát nước và cây xanh	2.000.000.000	2.000.000.000
	Hạng mục: Hệ thống điện chiếu sáng	535.151.000	122.049.000
-	Phân luồng giao thông để giảm tải cho QL19, đoạn từ đường Điện Biên Phủ đến nút Đổng Đa	513.540.000	0
-	Đường Điện Biên Phủ nối dài (đoạn từ đường Lâm Văn Tương đến QL19 mới)	742.141.000	41.089.000
-	Đường vành đai khu trung tâm phần mềm và công viên khoa học thuộc Khu đô thị Khoa học và Giáo dục Quy Hòa	781.183.000	781.183.000
-	Đường Bùi Hữu Nghĩa (nối dài), thành phố Quy Nhơn	83.564.000	0
-	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng để đảm bảo ATGT các đoạn tuyến tránh của Quốc lộ 1, qua địa bàn tỉnh	505.914.000	505.914.000
-	Đường nối từ đường trục Khu kinh tế đến khu tâm linh chùa Linh Phong	1.799.723.000	1.692.510.000
	Hạng mục: Nền, mặt đường, công trình thoát nước và cây xanh	1.712.336.000	1.672.613.000
	Hạng mục: Hệ thống điện chiếu sáng	87.387.000	19.897.000
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Trần Nhân Tông, Tp. Quy Nhơn (đoạn từ khu dân cư phía Đông Viện sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng đến hết cầu số 2 qua sông Hà Thanh)	1.396.029.000	1.396.029.000
b	Nguồn thu khác từ dự án được giao quản lý	0	0
3	Dự án bổ sung trong năm	8.744.622.000	4.199.769.545
a	Nguồn thu từ dự án được giao quản lý	5.031.285.000	3.229.910.000

-	<i>Nguồn trích quản lý dự án</i>	5.031.285.000	3.229.910.000
+	<i>Đường trục khu kinh tế nối dài (giai đoạn 1)</i>	9.092.000	9.092.000
	<i>Hạng mục: Nền mặt đường, cầu, thoát nước và cây xanh</i>	9.092.000	9.092.000
+	<i>Đường vào lò vôi và di tích trên địa bàn tỉnh, tỉnh Bình Định</i>	23.586.000	23.586.000
	<i>Hạng mục: Di dời đường ống cấp nước sinh hoạt</i>	12.075.000	12.075.000
	<i>Hạng mục: Di dời đường cấp quang</i>	2.159.000	2.159.000
	<i>Hạng mục: Di dời đường dây trung áp</i>	9.352.000	9.352.000
+	<i>Nâng cấp, mở rộng đường qua các di tích văn hóa lịch sử Quốc gia đặc biệt và các di tích văn hóa lịch sử Quốc gia trên địa bàn huyện Tây Sơn, Bình Định (giai đoạn 1)</i>	234.216.000	0
+	<i>Nâng cấp Tuyến đường ĐT.638 (Đường phía Tây tỉnh) đoạn Km 137+580 - Km 143+787</i>	1.330.379.000	1.180.544.000
	<i>Hạng mục: Nền mặt đường và CTTN nhỏ, cây xanh và hệ thống điện chiếu sáng</i>	1.309.485.000	1.159.650.000
	<i>Hạng mục: Cầu Long Vân 2 và cầu Lò Gạch</i>	20.894.000	20.894.000
+	<i>Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng để đảm bảo ATGT trên tuyến Quốc lộ 1, qua địa bàn tỉnh Bình Định</i>	6.073.000	6.073.000
+	<i>Đường trục Khu kinh tế nối dài, đoạn Km4+00 - Km18+500</i>	429.272.000	429.272.000
	<i>Hạng mục: Nền, mặt đường, cầu, thoát nước và cây xanh</i>	429.272.000	429.272.000
+	<i>Phân luồng giao thông để giảm tải cho QL19, đoạn từ đường Điện Biên Phủ đến nút Đổng Đa</i>	493.420.000	0
+	<i>Đường Điện Biên Phủ nối dài (đoạn từ đường Lâm Văn Trương đến QL19 mới)</i>	608.694.000	0
+	<i>Đường Bùi Hữu Nghĩa (nối dài), thành phố Quy Nhơn</i>	861.000	0
+	<i>Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng để đảm bảo ATGT các đoạn tuyến tránh của Quốc lộ 1, qua địa bàn tỉnh</i>	2.000	2.000

+	<i>Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng dọc Quốc lộ 1, qua địa bàn các huyện Phù Cát, Phù Mỹ và Hoài Nhơn</i>	<i>511.004.000</i>	<i>511.004.000</i>
+	<i>Đường ven biển (ĐT.639), đoạn Cát Tiến đến Đề Gi</i>	<i>1.384.686.000</i>	<i>1.070.337.000</i>
	<i>Hạng mục: Nền, mặt đường, cầu, thoát nước và cây xanh</i>	<i>1.186.370.000</i>	<i>1.070.337.000</i>
	<i>Hạng mục: Hệ thống điện chiếu sáng</i>	<i>198.316.000</i>	<i>0</i>
-	<i>Nguồn thu khác từ dự án được giao quản lý</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
b	<i>Nguồn thu từ hoạt động Ủy thác quản lý dự án (đã trừ các khoản thuế phải nộp)</i>	<i>3.713.337.000</i>	<i>969.859.545</i>
-	<i>Xây dựng cầu treo dân sinh đảm bảo ATGT trên phạm vi 28 tỉnh miền núi phía Bắc, miền Trung và Tây Nguyên</i>	<i>74.789.000</i>	<i>6.000.000</i>
-	<i>Dự án đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP) - Hợp phần 1: Khôi phục, cải tạo đường địa phương</i>	<i>621.012.000</i>	<i>0</i>
-	<i>Dự án đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP) - Hợp phần cầu</i>	<i>1.382.954.000</i>	<i>537.181.545</i>
-	<i>Khu TĐC Thôn Chánh Mẫn, xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát phục vụ dự án đường trục KKT nối dài (đoạn km4+00 - km18+500)</i>	<i>97.202.000</i>	<i>58.321.000</i>
-	<i>Khu TĐC Thôn Chánh Lý, xã Cát Tường, huyện Phù Cát phục vụ dự án đường trục KKT nối dài (đoạn km4+00 - km18+500)</i>	<i>150.809.000</i>	<i>90.485.000</i>
-	<i>Khu TĐC phường Nhơn Thành, thị xã An Nhơn phục vụ dự án đường trục KKT nối dài (đoạn km4+00 - km18+500)</i>	<i>481.058.000</i>	<i>277.872.000</i>

-	Cải tạo, sửa chữa các tuyến đường địa phương kết nối QL1, trên địa bàn tỉnh Bình Định (giai đoạn 1)	819.667.000	0
-	Dự án Đường trục KKT nối dài, đoạn km4+00 - km18+500	85.846.000	0
	Hạng mục: Di dời hệ thống điện đoạn km4+00 - km18+500	85.846.000	0
4	Nguồn thu từ hoạt động ủy thác quản lý dự án (đã trừ các khoản thuế phải nộp)	2.109.626.000	1.417.607.000
a	Xây dựng cầu treo dân sinh đảm bảo ATGT trên phạm vi 28 tỉnh miền núi phía Bắc, miền Trung và Tây Nguyên	100.000.000	100.000.000
b	Dự án đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP) - Hợp phần 1: Khôi phục, cải tạo đường địa phương	958.045.000	561.724.000
c	Đầu tư nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1D đoạn từ ngã ba Long Vân đến bến xe liên tỉnh, tỉnh Bình Định	438.870.000	229.455.000
d	Sửa chữa tuyến ĐT.631 (Nhơn Hưng - Phước Thắng), đoạn Km10+00-Km14+00	35.102.000	30.068.000
đ	Sửa chữa tuyến ĐT.632 (Phù Mỹ - Bình Dương), đoạn Km 26+214 - Km27+785	31.440.000	0
e	Sửa chữa tuyến ĐT 634 (Hòa Hội - Hòa Sơn) đoạn Km5+00 - Km13+500	173.785.000	160.149.000
g	Sửa chữa Tuyến ĐT.636 (Gò Bồi – Bình Nghi), đoạn Km22+100 - Km27+600	195.718.000	174.677.000
h	Sửa chữa Tuyến ĐT 638 (Chương Hòa - Long Vân) đoạn Km70+300 - Km77+00	176.666.000	161.534.000
5	Nguồn thu hợp pháp khác	0	0
6	Nộp trả nguồn thu từ các dự án được giao quản lý theo Quyết định phê duyệt quyết toán	0	101.667.000
II	Nguồn thu chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng		5.160.355.000
III	Nguồn thu được sử dụng trong năm (III)= (I)-(II) (a)		15.529.581.545

2. Quyết toán các khoản chi

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Dự toán điều chỉnh số 4845/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của UBND tỉnh	Quyết toán	Số chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng
	Tổng cộng	8.785.979.000	4.398.751.228	
I	Chi thường xuyên (b)	8.600.979.000	4.398.751.228	(c)
1	Tiền lương	5.881.092.000	2.160.190.919	
a	Lương ngạch bậc	2.195.437.000	2.160.190.919	
b	Chi thu nhập tăng thêm	3.285.655.000	0	
c	Làm đêm, thêm giờ	400.000.000	0	
2	Tiền công	54.000.000	54.000.000	
3	Các khoản phụ cấp lương	102.799.000	98.756.060	
3.1	Phụ cấp chức vụ, trách nhiệm, TNVK	102.799.000	98.756.060	
4	Các khoản trích nộp theo lương	540.088.000	525.457.751	
5	Chi tiền thưởng	80.000.000	44.590.000	
6	Chi phúc lợi tập thể	361.000.000	342.002.000	

7	Thanh toán dịch vụ công cộng	452.000.000	398.843.845	
8	Chi mua vật tư văn phòng	140.000.000	82.111.600	
9	Chi thanh toán thông tin, tuyên truyền	165.000.000	60.054.403	
10	Chi hội nghị	10.000.000	1.530.000	
11	Chi công tác phí	450.000.000	319.628.000	
12	Chi thuê mướn	60.000.000	44.950.800	
13	Chi đoàn đi công tác nước ngoài	0	0	
14	Chi đoàn vào	0	0	
15	Chi sửa chữa tài sản	100.000.000	69.738.175	
16	Chi phí khác	205.000.000	196.897.675	
	<i>Chi khác</i>	<i>205.000.000</i>	<i>196.897.675</i>	
17	Dự phòng	0	0	
II	Chi không thường xuyên	185.000.000	0	
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	0	0	
2	Mua sắm trang thiết bị, tài sản dùng cho quản lý dự án	115.000.000	0	
<i>a</i>	<i>Mua phương tiện đi lại (xe Mô tô, xe ô tô)</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	
<i>b</i>	<i>Máy tính</i>	<i>40.000.000</i>	<i>0</i>	
<i>c</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>20.000.000</i>	<i>0</i>	

d	Máy văn phòng	25.000.000	0	
đ	Tài sản khác	30.000.000	0	
3	Sửa chữa lớn tài sản cố định	70.000.000	0	
4	Chi thực hiện tình giản biên chế (nếu có)	0	0	
5	Chi khác	0	0	

3. Quyết toán trích lập các quỹ

Đơn vị tính: đồng

TT	Quỹ	Quyết toán	Ghi chú
		(1)=(2)+(3)+(4)=(a)-(b)-(c)	
Tổng số		11.130.830.317	
1	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	3.775.752.635	
2	Quỹ bổ sung thu nhập	6.776.840.937	
	Trong đó: Chi thu nhập tăng thêm	2.556.036.698	
3	Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi	578.236.745	

4. Phân bổ giá trị quyết toán cho các dự án cụ thể như sau

TT	Tên dự án	Tỷ lệ phân bổ (%)	Giá trị phân bổ (đồng)	Ghi chú
	Tổng cộng	100	15.529.581.545	
1	Đề án XD cầu treo dân sinh đảm bảo ATGT trên phạm vi 28 tỉnh miền núi phía Bắc, miền Trung và Tây Nguyên	0,68	106.000.000	
2	Khu TĐC P. Nhơn Thành, Tx. An Nhơn phục vụ dự án Đường trục KKT nối dài, đoạn km4+00 - km18+500	1,79	277.872.000	
3	Khu TĐC thôn Chánh Lý, xã Cát Tường, huyện Phù Cát phục vụ dự án Đường trục KKT nối dài, đoạn km4+00 - km18+500	0,58	90.485.000	
4	Khu TĐC thôn Chánh Mẫn, xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát phục vụ dự án Đường trục KKT nối dài, đoạn km4+00 - km18+500	0,38	58.321.000	

5	Dự án đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP) - Hợp phần 1: Khôi phục, cải tạo đường địa phương	3,62	561.724.000	
6	Dự án đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP) - Hợp phần cầu	3,46	537.181.545	
7	Đầu tư nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1D đoạn từ ngã ba Long Vân đến bến xe liên tỉnh, tỉnh Bình Định	1,48	229.455.000	
8	Sửa chữa tuyến ĐT 634 (Hòa Hội - Hòa Sơn) đoạn Km5+00 - Km13+500	1,03	160.149.000	
9	Sửa chữa Tuyến ĐT.636 (Gò Bồi – Bình Nghi), đoạn Km22+100 - Km27+600	1,12	174.677.000	
10	Sửa chữa tuyến ĐT.631 (Nhơn Hưng - Phước Thắng), đoạn Km10+00-Km14+00	0,19	30.068.000	
11	Sửa chữa Tuyến ĐT 638 (Chương Hòa - Long Vân) đoạn Km70+300 - Km77+00	1,04	161.534.000	
12	Đường trục khu kinh tế nội dài (giai đoạn 1)	16,18	2.511.925.000	

13	Đường vào lò vôi và di tích trên địa bàn tỉnh, tỉnh Bình Định	3,57	553.789.000	
14	XD hệ thống điện chiếu sáng để đảm bảo ATGT trên các đoạn tuyến tránh của QL1, qua địa bàn tỉnh	3,26	505.916.000	
15	XD Hệ thống điện chiếu sáng để đảm bảo ATGT trên tuyến QL1, qua địa bàn tỉnh	2,92	452.815.000	
16	Đường Điện Biên Phủ nối dài (đoạn từ đường Lâm Văn Tương đến QL19 mới)	1,55	241.089.000	
17	Đường ven biển (ĐT.639), đoạn Cát Tiến đến Đề Gi	6,89	1.070.337.000	
18	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Trần Nhân Tông, Tp. Quy Nhơn (đoạn từ khu dân cư phía Đông Viện sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng đến hết cầu số 2 qua sông Hà Thanh)	1,14	176.670.000	
19	Đường vành đai khu trung tâm phần mềm và công viên khoa học thuộc Khu đô thị Khoa học và Giáo dục Quy Hòa	0,58	89.970.000	

20	Nâng cấp Tuyến đường ĐT.639B (Đường phía Tây tỉnh) đoạn Km 113 - Km 145, phân đoạn Km 137+580 - Km 143+787	27,40	4.255.413.000	
21	Đường trục Khu kinh tế nổi dài, đoạn Km4+00 - Km18+500	16,43	2.551.321.000	
22	Đường nối từ đường trục Khu kinh tế đến khu tâm linh chùa Linh Phong	1,50	232.493.000	
23	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng dọc Quốc lộ 1, qua địa bàn các huyện Phù Cát, Phù Mỹ và Hoài Nhơn	0,30	46.464.000	
24	Tuyến đường QL19 (Giai đoạn 1)	1,29	200.000.000	
25	Nâng cấp, mở rộng đường qua các di tích văn hóa lịch sử Quốc gia đặc biệt và các di tích văn hóa lịch sử Quốc gia trên địa bàn huyện Tây Sơn, Bình Định	0,81	125.969.000	
26	Đường Bùi Hữu Nghĩa (nổi dài), thành phố Quy Nhơn	0,82	127.944.000	